

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 116/2020/DS-ST

Ngày 30-9-2020

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Dư

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tống Thị Điệp
2. Ông Hoàng Viết Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyệt Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 247/2020/TLST-DS ngày 03/6/2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 164/2020/QĐXX-ST ngày 07 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ N

Địa chỉ: Đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn: Ông Đặng Anh T1 (Văn bản ủy quyền ngày 29/7/2020) - có mặt

Địa chỉ: Đường T, phường T, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Thanh T – Vắng mặt

Địa chỉ: Đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18 tháng 5 năm 2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Do có quan hệ là bạn bè, ngày 29/3/2020 bà Nguyễn Thị Mỹ N có cho bà Lê Thị Thanh T vay số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng (ngày 29/4/2020 trả), khi vay không thỏa thuận lãi suất, không có tài sản bảo đảm mà bà T chỉ viết giấy vay tiền đưa bà N giữ. Khi vay chỉ có mình bà T hỏi vay, chồng bà T không tham gia và thực tế bà T vay tiền làm gì thì bà N cũng không biết. Đến hạn bà N đã nhiều lần yêu cầu bà T phải trả tiền, nhưng bà T lẩn tránh không trả. Nay bà N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc cá nhân bà T có trách nhiệm trả cho bà N số tiền 200.000.000 đồng tiền nợ gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật, ngoài ra bà N không có yêu cầu gì khác.

Bà Lê Thị Thanh T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Theo yêu cầu của bà N, Tòa án đã trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết trong giấy mượn tiền ngày 29/3/2020 mà bà T giao nộp cho Tòa. Tại bản kết luận giám định số: 132/KLGD-PC 09 ngày 28/8/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chữ viết, chữ ký mang tên Lê Thị Thanh T trong giấy mượn tiền mà bà N giao nộp là của bà Lê Thị Thanh T.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký cũng như nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự, còn bị đơn chấp hành chưa tốt.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ N. Buộc cá nhân bà Lê Thị Thanh T có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ N số tiền 200.000.000 đồng tiền nợ gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày phát sinh tranh chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Lê Thị Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên vụ án không T1 hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt là lần thứ hai, do đó Tòa án tiến hành phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án, bà T không có ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà N. Theo yêu cầu của bà N, Tòa án Quyết định trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết bà Lê Thị Thanh T trong giấy mượn tiền đề ngày 29/3/2020 mà bà N giao nộp cho tòa án so với chữ ký và chữ viết của bà Lê Thị Thanh T trong Hợp đồng tín dụng số 5215-LAV-20200011 đề ngày 08/01/2020 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 241036308 đề ngày 07/01/2020 của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh L, tỉnh Đắk Lắk. Tại bản kết luận giám định số: 132/KLGĐ-PC09 ngày 28/8/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chữ viết, chữ ký đứng tên Lê Thị Thanh T dưới mục “Người vay tiền” trong giấy mượn tiền mà bà N giao nộp cho tòa so với mẫu so sánh là do cùng một người viết và ký ra; Như vậy có đủ căn cứ kết luận: Ngày 29/3/2020 Bà Lê Thị Thanh T có vay của bà Nguyễn Thị Mỹ N 200.000.000 đồng, không có tài sản bảo đảm mà bà T chỉ viết giấy mượn tiền đưa bà N giữ, thời hạn vay đến ngày 29/4/2020 trả, không thỏa thuận lãi suất; Đến hạn trả nợ, bà T không trả cho bà N là bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay; Do đó, bà N khởi kiện yêu cầu bà T trả cho bà N 200.000.000 đồng tiền nợ gốc là có căn cứ phù hợp theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự nên chấp nhận.

[3] Về lãi suất: Ngày 29/4/2020 là hạn trả nợ, do đó lãi suất mà bà T phải trả cho bà N tính theo mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày vi phạm (30/4/2020) đến nay là phù hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Cụ thể: $200.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm}$ (từ 30/4/2020 đến 30/9/2020) = 8.333.000 đồng; Như vậy tổng cộng cả gốc và lãi bà T phải trả cho bà N là: 208.333.000 đồng

[4] Về án phí và chi phí giám định: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Lê Thị Thanh T phải chịu: $208.333.000 \text{ đồng} \times 5\% = 10.416.000 \text{ đồng}$ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà N.

Bà Lê Thị Thanh T phải chịu: 5.040.000 đồng tiền chi phí giám định, bà N được nhận lại số tiền này khi thu được từ bà T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 14, Điều 161, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ: Điều 463, khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Căn cứ: Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ N.

Buộc bà Lê Thị Thanh T trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ N số tiền: 200.000.000 đồng tiền nợ gốc và 8.333.000 đồng tiền lãi; Tổng cộng cả gốc và lãi là: 208.333.000 đồng (hai trăm lẻ tám triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí và chi phí giám định: Bà Lê Thị Thanh T phải chịu 10.416.000 đồng (mười triệu bốn trăm mười sáu nghìn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm và 5.040.000 đồng (năm triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng) tiền chi phí giám định; bà Nguyễn Thị Mỹ N được nhận lại số tiền 5.040.000 đồng tạm ứng chi phí giám định khi thu được từ bà Lê Thị Thanh T.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ N 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Mỹ N đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột theo biên lai thu tiền số: AA/2019/0008060 ngày 02/6/2020.

Các đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- P.NV&THA TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP.BMT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thị Dư